| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 45 /NQ-HĐND | *Bình Phước, ngày 06 tháng 12 năm 2024* |

# NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2025**

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
## KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 18

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 157/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND-KTNS ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua danh mục 61 trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2025 với diện tích 158,73 ha.

*(có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2**. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2024.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

***Nơi nhận:***
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ TN và MT;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTHĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Hằng**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA NĂM 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 45 /NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

| Stt | Tên dự án/Chủ đầu tư | Diện tích (ha) | Loại đất CMĐ | Sử dụng sang loại đất | Địa điểm | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Thành phố Đồng Xoài** | **22,32** | | | | | |
| **a** | **Các dự án chuyển tiếp** | **21,64** | | | | | |
| 1 | Đường quy hoạch số 16 | 0,57 | LUA | DGT | Phường Tân Thiện | Quyết định 3279/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh; | |
| 2 | Đường vành đai phía nam thành phố Đồng Xoài (qua 05 phường xã) - (đường quy hoạch số 21: từ đường vành đai 2, xã Tân Thành đến đường Phan Bội Châu và đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến Quốc lộ 14 | 0,17 | LUA | DGT | Phường Tân Thiện | Quyết định 264/QĐ-UBND ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh; | |
| 3 | Vận động GPMB đường QH số 21 (đường vành đai 32m), đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành đến đường ĐH Tân Phú-QL14, dài 2.340m, rộng 32m; đoạn 2 từ đường ĐH Tân Phú-QL14 đến đường Vành đai 2 | 0,20 | LUA | DGT | Xã Tân Thành | Quyết định số 1592/QD-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh: | |
| 4 | Đường QH số 39 | 0,30 | LUA | DGT | Xã Tân Thành | Quyết định số 3083/QD-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã Đồng Xoài | |
| 5 | Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt | 0,376 | LUA | SON | Phường Tân Xuân | Quyết định 3279/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh; | |
| 6 | Xử lý cấp bách thoát lũ Suối Đá thành phố Đồng Xoài | 1,62 | LUA | SON | Phường Tân Xuân | Quyết định 264/QĐ-UBND ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh; | |
| 7 | Dự án đường Phan Bội Châu đoạn nối từ Tôn Đức Thắng đến KCN Đồng Xoài III | 1,13 | LUA | DGT | Phường Tân Bình | Công văn số 1738/UBND-KT ngày 17/6/2023; | |
| 8 | Đường vành đai phía nam thành phố (đoạn qua phường Tân Bình) | 1,50 | LUA | DGT | Phường Tân Bình | Công văn số 2515/UBND-KT ngày 17/8/2023 của UBND thành phố; | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Dự án xây dựng đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường 31 đến đường Trường Chinh) | 0,23 | LUA | DGT | Phường Tân Bình | Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 01/8/2022 của HĐND thành phố; | |
| 10 | Đường quy hoạch số 31 | 0,18 | LUA | DGT | Phường Tân Bình | Nghị quyết số 18/NQ/HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND thành phố | |
| 11 | Đường quy hoạch số 21 | 0,16 | LUA | DGT | Phường Tân Bình | Quyết định số 1661a/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh; | |
| 12 | Đường Trường Chinh (đoạn từ QL 14 đến đường vành đai KCN Đồng Xoài III dài khoảng 3km) | 1,22 | LUA | DGT | Phường Tân Bình | Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh. | |
| 13 | Khu đô thị mới - Công viên Trung tâm Đồng Xoài | 8,99 | LUA | ODT, DGT, … | Phường Tân Bình | Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND thành phố Đồng Xoài | |
| 14 | Đường quy hoạch số 34 (Hải Thượng Lãn Ông) | 0,20 | LUA | DGT | Phường Tiến Thành | | |
| 15 | Đường số 39 | 0,30 | LUA | DGT | Phường Tiến Thành | Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 05/05/2022 của UBND tỉnh Bình Phước. | |
| 16 | Dự án Khu du lịch hồ suối cam (giai đoạn 2) | 0,50 | LUA | DGT, ODT… | Phường Tân Phú | Quyết định số 1584/QĐ–UBND ngày 18/06/2020 của UBND thành phố Đồng Xoài | |
| 17 | Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam phía tây đoạn Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) | 1,50 | LUK | DGT | Xã Tiến Hưng | Quyết định số 5014/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài | |
| 18 | Dự án Khu dân cư Hùng Vương | 2,50 | LUA | CLN | X.Tiến Hưng | Quyết định 3279/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh; | |
| **b** | **Các dự án đăng ký mới** | **0,68** | | | | | |
| 1 | Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt | 0,684 | LUA | SON | Phường Tân Xuân, xã Tiến Hưng | Quyết định 3279/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh; Quyết định 264/QĐ-UBND ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh; | |
| **II** | **Thị xã Phước Long** | **0,12** | | | | | |
| 1 | Xây dựng cầu bắt qua Sông Bé và đường kết nối đến huyện Bù Gia Mập (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập) | 0,12 | LUC | DGT | Xã Long Giang | NQ số 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh (bổ sung thêm loại đất thu hồi LUC) | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **III** | **Thị xã Chơn Thành** | **16,94** | | | | | |
| **a** | **Các dự án chuyển tiếp** | **3,09** | | | | | |
| 1 | Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (Giai đoạn II) | 0,214 | LUK | DTL | Minh Thành | Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 của UBND tỉnh | |
| 2 | Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng | 0,53 | LUK | DGT | Thành Tâm | Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh | |
| 3 | Xây dựng đường cao tốc Tp Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước | 0,982 | LUK | DGT | Nha Bích | Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ;<br>Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh,<br>Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 13/5/2024 của HĐND tỉnh | |
| 4 | Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài | 1,226 | LUK | DTL | Minh Hưng | Quyết định phê duyệt dự án số 1030/QĐ-UBND ngày 23/04/2021 | |
| 5 | Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng III mở rộng | 0,123 | LUK | DTL | Minh Hưng | Quyết định phê duyệt dự án số 1029/QĐ-UBND ngày 23/04/2021 | |
| 6 | Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam phía tây đoạn Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) | 0,01 | LUK | DGT | Nha Bích | Nghị quyết số 138/2024/QH15 của Quốc hội: Về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) | |
| 7 | Đường sỏi đỏ tổ 7, khu phố 5 | 0,01 | LUK | DGT | Minh Thành | Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 01/8/2021 của UBND tỉnh | |
| **b** | **Các dự án đăng ký mới** | **13,85** | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước | 0,288 | LUK | DGT | Minh Thành, Nha Bích | Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ;<br>Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh,<br>Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 13/5/2024 của HĐND tỉnh | |
| 2 | Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước | 13,56 | LUK | SKK | Hưng Long, Minh Thành, Thành Tâm | Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ,<br>Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ | |
| **IV** | **Thị xã Bình Long** | **10,01** | | | | | |
| **a** | **Các dự án chuyển tiếp** | **10,01** | | | | | |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài (đoạn từ QL13 đến giáp ranh xã Tân Lợi, Hớn Quản) | 1,00 | LUK | DGT | Phú Thịnh, Thanh Phú, | Nghị quyết 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh | |
| 2 | Nâng cấp, mở rộng đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Tặng) | 1,00 | LUK | DGT | Phú Thịnh | Nghị quyết 13/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh | |
| 3 | XD đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương | 6,00 | LUK | DGT | P. An Lộc, P.Hưng Chiến, Xã Thanh Phú | Nghị quyết 37/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh | |
| 4 | XD đường Lê Đại Hành nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản | 2,00 | LUK | DGT | Phú Đức | Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh | |
| 5 | Xây dựng đường giao thông | 0,01 | LUK | DGT | xã Thanh Lương | Quyết định 762/QĐ-UBND ngày 03/4/2019 của UBND thị xã Bình Long | |
| **V** | **Huyện Lộc Ninh** | **15,60** | | | | | |
| **a** | **Các dự án chuyển tiếp** | **15,60** | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Cấp nước tập trung ấp Chà Đôn, xã Lộc Khánh | 0,20 | LUK | DTL | xã Lộc Khánh | Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND xã Lộc Khánh | |
| 2 | Nâng cấp, mở rộng QL13 đoạn từ ngã 3 Lộc Tấn đến cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư | 0,75 | LUK | DGT | xã Lộc Hòa, Lộc Thạnh, Lộc Tấn | Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh | |
| 3 | Dự án cụm hồ tỉnh Bình Phước | 9,72 | LUK | DTL | Xã Lộc Khánh | Quyết định số 1247/QĐ-BNN-XD ngày 31/3/2023 của Bộ NN & PTNT | |
| 4 | Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước | 4,73 | LUK | DTL | xã Lộc Thạnh, Lộc Quang, Lộc An, Lộc Hòa | Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 15/8/2023, số 257/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 | |
| 5 | Cấp nước tập trung cho ấp Bà Ven, xã Lộc Khánh (Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung, vị trí 2) | 0,20 | LUK | DTL | xã Lộc Khánh | Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND xã Lộc Khánh | |
| **VI** | **Huyện Hớn Quản** | **16,63** | | | | | |
| **a** | **Các dự án chuyển tiếp** | **2,60** | | | | | |
| 1 | Dự án Xây dựng mương cống thoát nước ngoài Khu công nghiệp Việt Kiều | 0,12 | LUK | DTL | Thanh Bình | Quyết định 2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh | |
| 2 | Dự án Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp) | 1,49 | LUK | DTL | Tân Khai | Quyết định 2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh | |
| 3 | Xây dựng đường kết nối ngang Quốc lộ 13 và tuyến Tây Quốc lộ 13 đoạn Chơn Thành-Hoa Lư | 0,99 | LUK | DGT | Minh Tâm | Quyết định 1371/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh | |
| **b** | **Các dự án đăng ký mới** | **14,03** | | | | | |
| 1 | Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan | 0,12 | LUK | DGT | Tân Khai, Phước An, Tân Quan | NQ số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh; | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Mở rộng để định hình lộ giới 52m cho công trình đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản | 1,80 | LUK | DGT | Phước An, Tân Quan | Quyết định 639/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 của UBND huyện Hớn Quản | |
| 3 | Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng. | 0,50 | LUA | DGT | Tân Hưng | Quyết định 1131/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh | |
| 4 | Cải tạo, nạo vét suối Xa Cát | 5,10 | LUK | DTL | Thanh Bình; Phước An | Quyết định 1358/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND huyện | |
| 5 | Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương | 6,50 | LUC | DTL | Xã An Khương | NQ số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh và Quyết định 1801/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh | |
| 6 | TBA 110kV Tân Hưng và Đường dây 110kV Nhánh rẽ đấu nối TBA 110kV Tân Hưng | 0,01 | LUK | DNL | Xã Phước An | Văn bản số 4850/UBND-TH ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh | |
| **VII** | **Huyện Bù Gia Mập** | **45,71** | | | | | |
| **a** | **Các dự án chuyển tiếp** | **9,30** | | | | | |
| 1 | Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho Trung tâm hành chính huyện và đấu nối tuyến đường ĐT760 chạy qua Trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập | 9,30 | LUK | DGT, DTL | xã Phú Nghĩa | Quyết định 2044/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh | |
| **b** | **Các dự án đăng ký mới** | **36,41** | | | | | |
| 1 | Hồ chứa nước thôn 6 Khắc Khoan thuộc dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao biên giới tỉnh Bình Phước | 36,41 | LUC | DTL | xã Phú Nghĩa (4,21ha); xã Phú Văn (32,2ha) | Quyết định 1120/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND huyện | |
| **VIII** | **Huyện Bù Đốp** | **16,24** | | | | | |
| **a** | **Các dự án chuyển tiếp** | **16,24** | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9)<br>(tên cũ: Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - Thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)) | 7,88 | LUK | DTL | Tân Tiến; Tân Thành; Thanh Hòa; Thanh Bình | Công văn số 148/TTg-QHQT ngày 02/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 1310/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh | |
| 2 | Công trình Hồ chứa nước Bù Tam thuộc Dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao biên giới tỉnh Bình Phước<br>(tên cũ: Hồ chứa nước Bù Tam) | 8,36 | LUK | DTL | Hưng Phước | Công văn 923/BQLDA ngày 24/9/2021 của Ban QLDA ĐTXD tỉnh | |
| **IX** | **Huyện Đồng Phú** | **13,66** | | | | | |
| **a** | **Các dự án chuyển tiếp** | **13,66** | | | | | |
| 1 | Dự án tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt | 3,84 | LUK | DTL | Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi | Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 2713/QĐ-BNN-XD ngày 6/7/2023 | |
| 2 | Dự án xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) | 7,87 | LUK | DGT | Tân Phước | Nghị quyết 138/2024/NQ-QH15 ngày 28/6/2024 | |
| 3 | Tuyến đi qua Nông trường Cao Su Tân Lập (Tuyến số 1) | 1,04 | LUK | DGT | Tân Lập | Nghị quyết 08/2020/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND huyện Đồng Phú | |
| 4 | Tuyến đi qua Nông trường Cao Su Tân Tiến (Tuyến số 2) | 0,21 | LUK | DGT | Tân Tiến | Nghị quyết 08/2020/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND huyện Đồng Phú | |
| 5 | Xây dựng đường Xuyên Tâm Tân Hưng-Tân lập | 0,49 | LUK | DGT | Tân Tiến;Tân Lợi | Nghị quyết 08/2020/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND huyện Đồng Phú | |
| 6 | Nâng cấp mở rộng đường giao thông xã Tân Hòa đi xã Tân Lợi | 0,16 | LUK | DGT | Tân Lợi | Nghị quyết 08/2020/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND huyện Đồng Phú | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Xây dựng đường Đồng Tiến - Tân Phú | 0,05 | LUK | DGT | Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phú | Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh | |
| **X** | **Huyện Bù Đăng** | **1,50** | | | | | |
| **a** | **Các dự án chuyển tiếp** | **1,50** | | | | | |
| 1 | Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đăk Woa, huyện Bù Đăng | 1,00 | LUK | SON | Đức Phong | Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh | |
| 2 | Xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho cánh đồng xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng | 0,50 | LUK | DTL | Xã Đăng Hà | Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh | |
| **Tổng cộng:** | | **158,73** | | | | | |

Ghi chú:
LUA: Đất trồng lúa.
LUK: Đất trồng lúa nước còn lại.
DGT: Đất giao thông.
SON: Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối.
DTL: Đất thủy lợi.
CLN: Đất trồng cây lâu năm.
CQP: Đất quốc phòng.